

THUYẾT MINH VỀ BIA VĨNH LĂNG

1. Lập dàn ý thuyết minh về bia Vĩnh Lăng

a. Mở bài:

Giới thiệu về bia Vĩnh Lăng.

b. Thân bài:

- Giới thiệu bia Vĩnh Lăng:

- + Bia Vĩnh Lăng dựng năm 1443 trên đỉnh đồi ở phía đông Tây Hồ, tây nam điện Lam Kinh.
- + Khoảng cách giữa lăng và nhà bia chừng 300m.
- + Văn bia do danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn.
- Mặt bia nhìn về hướng nam, cùng hướng với lăng.
- + Ngày trước có nhà bia nhưng đã bị cháy còn trơ lại các chân cột bằng đá.
- + Trán bia trang trí hình vuông, trong là hình tròn tượng trưng cho trời và đất.

c. Kết bài:

Nêu cảm nghĩ của em về bia Vĩnh Lăng

2. Viết đoạn văn ngắn thuyết minh về bia Vĩnh Lăng

Bia Vĩnh Lăng dựng năm 1443 trên đỉnh đồi ở phía đông Tây Hồ, tây nam điện Lam Kinh. Khoảng cách giữa lăng và nhà bia chừng 300m. Mặt bia nhìn về hướng nam, cùng hướng với lăng. Trán bia trang trí hình vuông, trong là hình tròn tượng trưng cho trời và đất. Giữa hình vuông và hình tròn là hình mây cách điệu tinh tế. Chính giữa khắc một đầu rồng nhìn thẳng, thân uốn lượn uyển chuyển quanh mặt trời, biểu trưng là thiên tử (con trời) được sinh ra do trời và đất. Hai bên riềm bia, mỗi bên có 9 hình nửa lá đề, trong mỗi lá đề là rồng uốn lượn, đầu vươn lên trên nối tiếp nhau, phần còn lại chạm hình hoa cúc dây rất tinh xảo. Văn bia ngắn gọn, cô đọng, mô thuật toàn bộ gia tộc, thân thế, sự nghiệp, công lao của vua Lê Thái Tổ và ca ngợi lòng khoan dung độ lượng đối với kẻ thù. Văn bia do danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn.

3. Giới thiệu về bia Vĩnh Lăng - Bài tham khảo số 1

Đất nước Việt Nam nhỏ bé mà giàu có bởi truyền thống lịch sử và những trang chiến đấu anh hùng. Và sau những trang sử anh hùng đó, đã có những hiện vật ghi chép lại chân thực, sinh động công lao to lớn của các cha ông ta thời xưa. Văn bia Vĩnh Lăng là một hiện vật quý giá như vậy.

Bia Vĩnh Lăng dựng năm 1443 trên đỉnh đồi ở phía đông Tây Hồ, tây nam điện Lam Kinh. Khoảng cách giữa lăng và nhà bia chừng 300m. Văn bia ngắn gọn, cô đọng, mô thuật toàn bộ gia tộc, thân thế, sự nghiệp, công lao của vua Lê Thái Tổ và ca ngợi lòng khoan dung độ lượng đối với kẻ thù. Văn bia do danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn.

Mặt bia nhìn về hướng nam, cùng hướng với lăng. Bia làm bằng đá nguyên khối cao 2,79m; rộng 1,94m; dày 0,27m, đặt trên lưng một con rùa đá dài 3,46m; rộng 1,94m và cao 0,90m (kể cả đế). Ngày trước có nhà bia nhưng đã bị cháy còn trơ lại các chân cột bằng đá. Nhà bia hiện tại mới được dựng lại năm 1961, nền hình vuông, mỗi cạnh 8,8m, bốn mái cong, lợp ngói mũi hài, đỡ bằng 16 cột, mỗi góc có 4 cột theo kiểu kiến trúc thời Lê.

Trán bia trang trí hình vuông, trong là hình tròn tượng trưng cho trời và đất. Giữa hình vuông và hình tròn là hình mây cách điệu tinh tế. Chính giữa khắc một đầu rồng nhìn thẳng, thân uốn lượn uyển chuyển quanh mặt trời, biểu trưng là thiên tử (con trời) được sinh ra do trời và đất. Hai bên rèm bia, mỗi bên có 9 hình nửa lá đề, trong mỗi lá đề là rồng uốn lượn, đầu vươn lên trên nối tiếp nhau, phần còn lại chạm hình hoa cúc dây rất tinh xảo.

Văn bia ngắn gọn, cô đọng, mô thuật toàn bộ gia tộc, thân thế, sự nghiệp, công lao của vua Lê Thái Tổ và ca ngợi lòng khoan dung độ lượng đối với kẻ thù. Văn bia do danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn.

4. Thuyết minh về bia Vĩnh Lăng - Bài tham khảo số 2

Bia Vĩnh Lăng được đặt ở phía Tây Nam khu Chính điện Lam Kinh, cách mộ vua Lê Thái tổ khoảng 300 mét. Sử cũ chép, Lam Kinh xưa vốn là đất Lam Sơn - quê hương của anh hùng dân tộc Lê Lợi, cũng là nơi khởi nguồn và căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Sau 10 năm (1418-1428) cuộc kháng chiến chống giặc Minh giành thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra vương triều hậu Lê - một vương triều kéo dài nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam với 360 năm (1428 – 1788).

Ít năm sau khi lên ngôi, vua Lê Thái tổ cho đổi vùng đất Lam Sơn thành Tây Kinh (hay Lam Kinh). Từ đây Lam Kinh trở thành vùng đất được quan tâm đặc biệt của các vua nhà hậu Lê. Tháng 8 nhuận năm Quý Sửu (1433), vua Lê Thái tổ băng hà ở Đông Kinh - Thăng Long, liền được đưa về quê hương an táng, xây lăng, dựng bia. Cũng từ đây, các vua kế nghiệp cho xây dựng Lam Kinh trở thành khu sơn lăng, nơi an táng nhiều vị vua và Thái Hoàng Thái Hậu triều đại Lê sơ.

Trong số các bia đá còn lại ở Lam Kinh, bia Vĩnh Lăng là tấm bia tiêu biểu nhất, điển hình cho kỹ thuật chế tác, điêu khắc, chạm trổ công phu và tỷ mỹ đến từng chi tiết.

Văn bia gồm hai phần, bia phía trên và rùa phía dưới được làm bằng đá trầm tích màu xám xanh có lẫn đốm trắng, trên bề mặt rùa và bia còn nhìn thấy nhiều vỏ của các loài nhuyễn thể. Lam Sơn Vĩnh Lăng bi có chiều rộng 1,94m, cao 2,79m, dày 0,27m; rùa có chiều dài 3,46m, rộng 1,94m, dày 0,90m. Tổng trọng lượng nặng khoảng 18 tấn.

Phần văn bia là khối hình chữ nhật, được đặt trên lưng rùa, trán bia hình vòng cung, mặt trước chính giữa được khắc hình vuông. Trong hình vuông khắc một hình tròn, chính giữa hình tròn chạm rồng nổi 5 móng, hai bên cạnh trán bia mỗi bên chạm nổi hình một con rồng và hình tròn bên trong có rồng cuộn đầu vươn cao. Xung quanh diềm bia có hai đường chỉ nổi chạy song song với nhau nổi từ đỉnh xuống đế bia, giữa hai đường chỉ bên trong trang trí

9 hoa văn hình nửa lá đề. Trong mỗi nửa lá đề được khắc một hình rồng nổi, có vẩy, thân uốn lượn mềm mại, đầu rồng hướng vươn lên đỉnh bia, miệng nhả ngọc. Khoảng cách giữa các hình lá đề đều được chạm khắc xen kẽ hình hoa cúc dây...

Mặt trước bia khắc khoảng 750 chữ Hán theo lối chữ Chân, do Nguyễn Trãi soạn. Mặt sau giữa trán khắc hình chữ nhật, hai bên mỗi bên khắc một hình rồng, thân dài, trơn, không có vẩy, đang uốn lượn, đầu ngẩng cao, châu vào. Từ đỉnh trán bia xuống đế bia khắc hai đường chỉ chạy song song với nhau theo chiều cao của bia, giữa các đường chỉ nổi mỗi bên cũng được khắc 9 hoa văn hình nửa lá đề nối tiếp nhau từ đỉnh bia đến đế bia... Dưới đế bia là một con rùa lớn. Con rùa trong tư thế đang bơi, đầu vươn cao, lưng nhô, lộ rõ 4 chân và 6 móng to khỏe, trong 6 móng có móng thứ 6 được đục lõm vào. Đuôi rùa to, vẩy ngược lên lưng mềm mại, phía dưới bụng rùa sát đế khắc 3 đường gờ nổi chau chuốt. Kỹ thuật chế tác đều bằng phương pháp thủ công.

Toàn văn bia dù ngắn gọn, súc tích nhưng đã mô thuật đầy đủ về thân thế sự nghiệp và công đức của vua Lê Thái tổ, đồng thời văn bia còn là văn bản đúc kết đường lối đấu tranh khéo léo tài tình của nghĩa quân Lam Sơn trong suốt 10 năm trường kỳ kháng chiến gian khổ đánh đuổi giặc Minh giành lại độc lập dân tộc. Bên cạnh đó còn nói lên lòng khoan dung, độ lượng của Thái tổ Cao Hoàng đế Lê Lợi đối với quân giặc khi chúng chiến bại. Tấm bia cũng cho thấy đường lối ngoại giao của ông đối với các nước lân bang - con đường bang giao hòa hảo bằng chính lòng nhân ái vốn có của ông. Bởi vậy, các sử gia đánh giá, bia Vĩnh Lăng có ý nghĩa rất lớn về mặt lịch sử. Đây là chứng cứ gốc phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học cũng như giáo dục truyền thống yêu nước.

Bia Vĩnh Lăng còn được xem là một tài liệu quý khi nghiên cứu về nghệ thuật trang trí, điêu khắc thời Lê sơ. Nghệ thuật điêu khắc bia Vĩnh Lăng thời Lê sơ đã kế thừa được tinh hoa của nền điêu khắc Lý - Trần và nghệ thuật dân gian truyền thống.

Dưới triều Lê sơ tư tưởng Nho giáo được đề cao. Hoàng đế Lê Lợi và các vị vua kế nghiệp đã dùng học thuyết Nho giáo làm công cụ tư tưởng để điều hành đất nước cũng như xây dựng nền văn hóa dân tộc. Trong quan niệm của Nho giáo, vua chính là con trời, thay trời hành đạo, rồng là biểu tượng của vua với quyền lực tối thượng. Bên cạnh hình rồng, bia Vĩnh Lăng còn trang trí các hoa văn như hoa cúc, lá đề, sóng nước... là những loài cây gần gũi, thân thuộc với đời sống người Việt bấy giờ.

Theo ông Vũ Đình Sỹ, Phó trưởng Ban Quản lý Di tích lịch sử Lam Kinh, bia Vĩnh Lăng được đánh giá là tấm bia độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Tấm bia không chỉ mang tính giáo dục truyền thống cho hậu thế, mà còn là tài liệu quý khi nghiên cứu về nghệ thuật trang trí, điêu khắc dưới thời Lê Sơ. "Bia Vĩnh Lăng là dấu nối giữa thời trước và thời sau, là điểm mở đầu cho giai đoạn phát triển mới của nền nghệ thuật điêu khắc và trải qua những chuyển biến liên tục để đến bia vua Lê Thánh tông, Hoàng hậu Ngô Thị Ngọc Giao đã tiến tới định hình cho một phong cách nghệ thuật mới hoàn chỉnh - nghệ thuật thời Lê sơ", ông Sỹ cho hay.

Quy mô công trình kiến trúc Lam Kinh được ghi trong Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú như sau: "Điện Lam Kinh đằng sau gối vào núi, trước mặt trông ra sông, bốn bên non xanh nước biếc, rừng rậm um tùm. Vĩnh Lăng của Lê Thái tổ, Thiệu Lăng của Lê Thái tông và các lăng của vua nhà Lê đều ở đây cả. Lăng nào cũng có bia. Sau điện lầy Tây hồ làm nảo, giống như hồ Kim Ngưu. Hồ rất rộng lớn, nước các ngả đều chảy cả vào đó. Có con sông phát nguyên từ hồ ấy, chạy vòng trước mặt, lòng sông có những viên đá nhỏ, tròn và nhẵn trông rất thích mắt nhưng không ai dám lấy trộm. Lại có lạch nước nhỏ, chảy từ bên

tay phải qua trước điện, ôm vòng lại như cánh cung. Trên lạch có cầu giống như Bạch Kiều ở giãng đình điện Vạn Thọ Đông Kinh, đi qua cầu mới tới điện. Nền điện rất cao, hai bên mở rộng, dưới chân điện có làn nước phẳng, giống như trước điện nhà vua coi châu. Ngoài cửa Nghi Môn có hai con chó ngao bằng đá, tục truyền là rất thiêng. Điện làm ba ngôi liền nhau, kiểu chữ Công, mẫu mực theo đúng kiểu các miếu ở kinh sư. Theo từng bậc mà lên, rồi từ đó trông xuống thì thấy núi khe hai bên tả, hữu, cái nọ, cái kia vòng quanh thật là một chỗ để xây dựng cơ nghiệp”.

Tuy nhiên, trải qua hơn 6 thế kỷ với nhiều thăng trầm lịch sử, cùng với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, Lam Kinh chỉ còn 6 ngôi mộ và 5 tấm bia đá cùng một số nền móng công trình khác. Trong những năm qua, tỉnh Thanh Hóa đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng trùng tu, tôn tạo khu di tích đặc biệt này nhằm phục vụ hoạt động du lịch và nhu cầu văn hóa tâm linh của người dân cả nước.

Đại Việt sử ký toàn thư chép, Lam Kinh được xây dựng vào năm 1433, nhưng cũng cùng năm đó, điện Lam Kinh bị cháy. Năm 1448, vua Lê Nhân tông xuống chiếu cho Thái úy Lê Khả và Cục bách tác làm lại điện miếu Lam Kinh. Lam Kinh tiếp tục được xây dựng chưa đầy một năm, đến tháng 2-1449 công việc hoàn thành.